

c) Các đơn vị trực thuộc Công ty.

**2.** Tổ chức và hoạt động của Công ty được quy định cụ thể trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**Điều 4.** Tổ chức được Nhà nước ủy quyền là đại diện chủ sở hữu:

Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, địa chỉ số 2 Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp có trách nhiệm thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn theo quy định tại Nghị định số 63/2001/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ và Điều lệ Công ty.

**Điều 5.** Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung có trách nhiệm tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản do Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp giao để thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất kinh doanh; kế thừa các quyền, lợi ích và các nghĩa vụ hợp pháp về tiền vốn, tài sản, lao động, đất đai của Công ty Cơ khí Quang Trung.

**Điều 6.** Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung có trách nhiệm xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trình Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp phê duyệt; bổ nhiệm Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, Giám đốc Công ty Cơ khí Quang Trung, Chủ tịch và Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

*Thứ trưởng*

**Đỗ Hữu Hào**

*BỘ TÀI CHÍNH*

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 69/2004/QĐ-BTC ngày 24/8/2004 ban hành Quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001-QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ*

*ngành Việt Nam Khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;*

*Căn cứ Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài, Nghị định số 44/2001/NĐ-CP ngày 02/8/2001 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/1998/NĐ-CP;*

*Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này:

a) Quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài;

b) Mẫu tờ khai hàng gia công chuyển tiếp, ký hiệu HQ/2004-GCCT;

c) Các biểu mẫu số 01/HQ-GC, 02/HQ-GC, 03/HQ-GC, 04/HQ-GC, 05/HQ-GC, 06/HQ-GC, 07/HQ-GC, 08/HQ-GC, 09/HQ-GC, 10/HQ-GC, 11/HQ-GC.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Thông tư số 07/2000/TT-TCHQ ngày 02/11/2000 của Tổng cục Hải quan và các văn bản hướng dẫn liên quan.

**Điều 3.** Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thứ trưởng*

**Trương Chí Trung**

## QUY ĐỊNH về thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài

*(ban hành kèm theo Quyết định số 69/2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính);*

Phần 1

### QUY ĐỊNH CHUNG

**1.** Quy định này áp dụng để làm thủ tục hải quan đối với hàng gia công với thương nhân nước ngoài của các đối tượng sau:

- Doanh nghiệp Việt Nam được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật

Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp;

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Hợp tác xã được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã;

- Hộ kinh doanh cá thể được đăng ký kinh doanh theo Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02/4/2004 của Chính phủ.

Các đối tượng này dưới đây gọi chung là doanh nghiệp.

## 2. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Giám đốc doanh nghiệp*: đối với doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là Giám đốc (Tổng giám đốc) doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp trước pháp luật; đối với Hợp tác xã là Chủ nhiệm hợp tác xã; đối với Hộ kinh doanh cá thể là cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- *Nguyên liệu gia công*: bao gồm nguyên liệu, phụ liệu, vật tư gia công.

- *Phế liệu gia công*: bao gồm phế liệu từ nguyên liệu gia công; máy móc, thiết bị thuê mượn phục vụ gia công bị hư hỏng không còn sử dụng được phải loại ra dưới dạng phế liệu.

3. Việc làm thủ tục hải quan đối với hợp đồng gia công (tiếp nhận hợp đồng,

đăng ký định mức, làm thủ tục hải quan cho từng lô hàng xuất, nhập khẩu của hợp đồng, thanh khoản hợp đồng) được thực hiện tại một Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi có cơ sở sản xuất đang thực hiện hợp đồng gia công hoặc nơi có trụ sở của doanh nghiệp (trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc trụ sở của Chi nhánh doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật). Trường hợp tại địa phương đó không có tổ chức Hải quan, doanh nghiệp được chọn một đơn vị Hải quan thuận tiện nhất để làm thủ tục hải quan.

4. Tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của hợp đồng gia công đều phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra giám sát của Hải quan và nộp lệ phí hải quan theo quy định của pháp luật.

Tùy theo điều kiện cụ thể của từng hợp đồng gia công, doanh nghiệp có thể lựa chọn hình thức đăng ký tờ khai từng lần cho từng lô hàng xuất, nhập khẩu hoặc lựa chọn hình thức đăng ký tờ khai một lần để làm thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên liệu, xuất khẩu sản phẩm cho cả hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công.

5. Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam ký kết hợp đồng nhận gia công cho thương nhân nước ngoài nhưng không trực tiếp gia công mà thuê doanh nghiệp Việt Nam khác gia công (gia công lại), thì doanh nghiệp ký kết hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài là người làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, thanh khoản hợp đồng gia công với cơ quan Hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng gia

công này. Hàng hóa giao nhận giữa các doanh nghiệp phía Việt Nam với nhau không phải làm thủ tục hải quan.

**6.** Hợp đồng gia công đã được các bên ký kết bằng văn bản (điện báo, telex, fax, thư điện tử và các hình thức thông tin điện tử khác cũng được coi là hình thức văn bản) với nội dung theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ là căn cứ để cơ quan Hải quan làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu và theo dõi việc xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến hợp đồng gia công.

Mọi sự thay đổi, bổ sung, điều chỉnh các điều khoản của hợp đồng gia công (kể cả thay đổi, điều chỉnh định mức) đều phải thông qua ký kết phụ kiện hợp đồng và phải nộp các phụ kiện bổ sung này cho cơ quan Hải quan trước hoặc cùng thời điểm doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng đầu tiên theo phụ kiện hợp đồng đó.

**7.** Nguyên liệu dư thừa; phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê mượn sau khi kết thúc hợp đồng gia công được xử lý theo sự thỏa thuận trong hợp đồng gia công phù hợp với quy định của pháp luật.

Các phương thức xử lý: tái xuất; mua, bán theo hình thức xuất, nhập khẩu tại chỗ; biếu, tặng; tiêu hủy; chuyển sang thực hiện hợp đồng gia công khác. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại điểm 1.3 Mục VIII Phần 2 Quy định này.

**8.** Định mức sử dụng, định mức tiêu hao (sau đây gọi chung là định mức), tỷ lệ hao hụt nguyên liệu do các bên thỏa thuận trong hợp đồng gia công theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ. Nếu trong hợp đồng gia công không quy định tỷ lệ hao hụt nguyên liệu thì coi như hợp đồng gia công đó có tỷ lệ hao hụt nguyên liệu bằng 0%.

Định mức, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu doanh nghiệp đăng ký với Hải quan (theo mẫu 10/HQ-GC) phải là định mức, tỷ lệ hao hụt thực tế doanh nghiệp thực hiện. Nếu định mức, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu thỏa thuận trong hợp đồng gia công cao hơn định mức, tỷ lệ hao hụt thực tế thì doanh nghiệp phải đăng ký theo định mức, tỷ lệ hao hụt thực tế này.

Thời điểm đăng ký định mức, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu của mã hàng là trước hoặc cùng thời điểm làm thủ tục xuất khẩu (đối với trường hợp nhận gia công cho thương nhân nước ngoài), nhập khẩu (đối với trường hợp đặt gia công ở nước ngoài) lô sản phẩm đầu tiên của mã hàng đó.

Định mức, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu doanh nghiệp đã đăng ký với cơ quan Hải quan tại một trong các thời điểm trên là định mức, tỷ lệ hao hụt để thanh khoản hợp đồng gia công.

**9.** Kiểm tra định mức:

**9.1.** Chế độ kiểm tra và đối tượng kiểm tra:

**9.1.1.** Kiểm tra định mức tất cả các mã

hàng nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

9.1.1.1. Doanh nghiệp lần đầu tiên thực hiện hợp đồng gia công.

9.1.1.2. Doanh nghiệp bị phát hiện vi phạm liên quan đến định mức:

- Doanh nghiệp đã có hành vi gian lận định mức;

- Doanh nghiệp bị phát hiện nhập thừa so với khai hải quan đối với hàng nhập khẩu; xuất thiếu so với khai hải quan đối với hàng xuất khẩu.

9.1.1.3. Hải quan có căn cứ để nghi vấn định mức doanh nghiệp đăng ký với Hải quan là không chính xác, không trung thực;

9.1.1.4. Doanh nghiệp không chấp hành tốt chế độ quản lý, sử dụng hóa đơn chứng từ (do Cục Thuế địa phương thông báo).

Sau 12 tháng, nếu doanh nghiệp không tái phạm (đối với các trường hợp nêu tại điểm 9.1.1.2) hoặc được Cục Thuế địa phương thông báo doanh nghiệp đã chấp hành tốt chế độ quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ (đối với trường hợp nêu tại điểm 9.1.1.4) thì được chuyển sang áp dụng chế độ kiểm tra nêu tại điểm 9.1.2 dưới đây.

9.1.2. Kiểm tra xác suất: Các trường hợp còn lại cơ quan Hải quan thực hiện chế độ kiểm tra xác suất định mức khi cần thiết. Nếu phát hiện có sai phạm thì sẽ chuyển sang chế độ kiểm tra định mức tất cả các mã hàng như quy định tại điểm 9.1.1 trên đây.

## 9.2. Biện pháp kiểm tra:

Tổng cục Hải quan hướng dẫn biện pháp kiểm tra định mức.

**10.** Việc thanh khoản hợp đồng hoặc phụ kiện hợp đồng gia công phải được hoàn thành chậm nhất 90 ngày kể từ khi chấm dứt hợp đồng, phụ kiện hợp đồng gia công đó (trừ trường hợp quy định tại điểm 10.4 dưới đây). Cụ thể như sau:

**10.1.** Chậm nhất 45 ngày kể từ khi chấm dứt hợp đồng gia công, doanh nghiệp nhận gia công phải nộp đủ hồ sơ thanh khoản hợp đồng gia công theo quy định tại Mục VIII Phần 2 Quy định này (bao gồm cả phương án giải quyết nguyên liệu dư, máy móc, thiết bị tạm nhập, phế liệu, phế phẩm) cho cơ quan Hải quan.

Đối với những hợp đồng gia công có thời hạn trên 01 năm, thì phải tách ra từng phụ kiện nhỏ, thời hạn thực hiện một phụ kiện không quá 01 năm. Thời hạn nộp hồ sơ thanh khoản đối với phụ kiện hợp đồng gia công áp dụng như thời hạn nộp hồ sơ thanh khoản hợp đồng gia công.

**10.2.** Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ thanh khoản, Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công phải hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thanh khoản.

**10.3.** Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày cơ quan Hải quan hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thanh khoản doanh nghiệp phải làm thủ tục hải quan để giải quyết số nguyên liệu dư; máy móc, thiết

bị tạm nhập; phế liệu, phế phẩm (nếu có) theo quy định tại điểm 1.3 Mục VIII Phần 2 Quy định này.

**10.4.** Trong một số trường hợp đặc biệt, thời hạn nêu tại điểm 10.1 và 10.3 được gia hạn thêm nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 30 ngày. Việc gia hạn này do Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý hợp đồng gia công xem xét quyết định.

**10.5.** Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công phải tổ chức theo dõi tình hình thanh khoản hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công; nếu doanh nghiệp vi phạm thời hạn quy định tại điểm 10.1 hoặc 10.3 trên đây thì lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về hải quan và ra quyết định xử phạt. Trong quyết định xử phạt phải có điều khoản yêu cầu doanh nghiệp hoàn thành việc thanh khoản hợp đồng gia công trong thời hạn chấp hành quyết định xử phạt. Hết thời hạn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu doanh nghiệp vẫn không hoàn thành việc thanh khoản thì xử lý như sau:

**10.5.1.** Nếu nguyên liệu, máy móc thiết bị mượn, phế liệu, phế phẩm không thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu thì ngay sau khi hết thời hạn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công căn cứ vào các tờ khai nhập khẩu lưu tại Hải quan (đối với trường hợp chưa nộp hồ sơ thanh khoản) hoặc kết quả đối chiếu thanh khoản (đối với trường hợp doanh nghiệp

đã nộp hồ sơ thanh khoản, nhưng vi phạm quy định tại điểm 10.3 trên đây) để tạm tính thuế nhập khẩu và ra thông báo thuế gửi doanh nghiệp. Sau 30 ngày kể từ ngày ra thông báo thuế, nếu doanh nghiệp vẫn không thực hiện việc thanh khoản hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công thì áp dụng biện pháp cưỡng chế về thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu (kể cả nhập khẩu kinh doanh) các lô hàng tiếp theo của doanh nghiệp.

**10.5.2.** Nếu nguyên liệu, máy móc thiết bị mượn, phế liệu, phế phẩm thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu thì Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý hợp đồng gia công gửi văn bản yêu cầu doanh nghiệp thực hiện ngay việc thanh khoản và tái xuất hàng hóa còn tồn đọng. Sau 30 ngày kể từ ngày nhận văn bản, doanh nghiệp vẫn không thực hiện, thì xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 138/2004/NĐ-CP ngày 17/6/2004 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

**11.** Thủ tục hải quan đối với việc xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị thuê mượn để phục vụ gia công; nhập khẩu hàng mẫu để gia công; nhập khẩu sản phẩm gia công để tái chế; tái xuất nguyên liệu nhập khẩu thực hiện như sau:

**11.1.** Thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị mượn để phục vụ gia công thực hiện như đối với hàng tạm nhập - tái xuất có thời hạn quy định tại Điều 33 Luật Hải quan.

11.2. Thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị thuê thực hiện theo văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế thuê máy móc, thiết bị của nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 1447/1999/QĐ-BTM ngày 10/12/1999 của Bộ Thương mại.

11.3. Thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng bên thuê gia công cho mượn hoặc cung cấp để thực hiện hợp đồng gia công nhưng không thuộc đối tượng được miễn thuế thì thực hiện theo loại hình nhập kinh doanh.

11.4. Thủ tục hải quan đối với hàng mẫu xuất, nhập khẩu để làm mẫu gia công thực hiện theo thủ tục hải quan đối với hàng phi mậu dịch (sử dụng tờ khai phi mậu dịch ký hiệu HQ/2002-PMD ban hành kèm theo Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24/5/2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan).

Hàng mẫu để làm mẫu gia công phải đáp ứng các điều kiện: Hình thức mặt hàng thể hiện chỉ sử dụng được vào mục đích làm mẫu để gia công, không có giá trị thương mại; bộ chứng từ lô hàng thể hiện là chứng từ hàng mẫu. Đối với hàng mẫu nhập khẩu mỗi mã hàng chỉ được nhập tối đa 05 đơn vị.

11.5. Thủ tục hải quan đối với trường hợp xuất trả nguyên liệu nhập khẩu trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công theo yêu cầu của bên thuê gia công thực hiện như thủ tục xuất trả nguyên liệu dư sau khi kết thúc hợp đồng gia công.

11.6. Thủ tục hải quan đối với sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại để tái chế thực hiện theo văn bản riêng quy định thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu bị trả lại.

## Phần 2

### THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA GIA CÔNG CHO THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI

#### I. THỦ TỤC TIẾP NHẬN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

##### 1. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

Chậm nhất 01 ngày trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đầu tiên của hợp đồng gia công, doanh nghiệp nộp và xuất trình hồ sơ hải quan để cơ quan Hải quan làm thủ tục tiếp nhận hợp đồng.

Hồ sơ hải quan gồm:

- Hợp đồng gia công và các phụ kiện hợp đồng kèm theo (nếu có): 01 bản chính và 01 bản dịch (nếu hợp đồng lập bằng tiếng nước ngoài);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (nếu làm thủ tục tiếp nhận lần đầu): 01 bản photocopy;

- Giấy chứng nhận đăng ký mã số kinh doanh xuất nhập khẩu: 01 bản photocopy;

- Giấy phép của Bộ Thương mại, nếu mặt hàng gia công thuộc Danh mục hàng hóa Nhà nước Việt Nam cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và tạm ngừng xuất khẩu,

nhập khẩu; hoặc của cơ quan chuyên ngành, nếu mặt hàng gia công theo văn bản hướng dẫn quản lý xuất, nhập khẩu chuyên ngành phải xin phép các cơ quan này: nộp 01 bản photocopy, xuất trình bản chính;

Giám đốc doanh nghiệp hoặc người được giám đốc doanh nghiệp ủy quyền ký xác nhận, đóng dấu và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các bản dịch, bản photocopy trên đây và nêu tại văn bản này.

## **2. Nhiệm vụ của công chức Hải quan khi tiếp nhận hợp đồng:**

2.1. Kiểm tra sự đồng bộ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

2.2. Đối chiếu nội dung của hợp đồng gia công với quy định tại Điều 12 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998.

2.3. Ghi ngày, tháng, năm tiếp nhận; ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu của Chi cục Hải quan (mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1200/2001/QĐ-TCHQ ngày 23/11/2001) lên hợp đồng và các giấy tờ khác kèm theo; vào sổ tiếp nhận và theo dõi thực hiện hợp đồng gia công.

Sổ tiếp nhận và theo dõi thực hiện hợp đồng gia công gồm có các tiêu chí sau: số thứ tự; tên doanh nghiệp, địa chỉ doanh nghiệp; họ tên, địa chỉ cư trú, số chứng minh thư của Giám đốc doanh nghiệp; số hợp đồng gia công, ngày tháng năm ký kết hợp đồng; bên đặt gia công (tên, địa chỉ); mặt hàng gia công; thời hạn hợp đồng; ngày nộp hồ sơ thanh khoản, ngày hoàn thành thanh khoản.

2.4. Lưu bản chính và bản dịch hợp đồng, phụ kiện hợp đồng kèm theo (nếu có) và bản photocopy các giấy tờ khác để theo dõi; trả chủ hàng các giấy tờ còn lại.

2.5. Vào máy vi tính các thông số của hợp đồng/phụ kiện hợp đồng theo các tiêu chí có sẵn trên máy.

## **II. THỦ TỤC NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU**

### **1. Hồ sơ hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu từng lô hàng:**

1.1. Giấy tờ phải nộp:

- Tờ khai hàng nhập khẩu: 02 bản chính;

- Vận tải đơn: 01 bản sao từ các bản original hoặc bản surrendered hoặc bản chính của các bản vận tải đơn có ghi chữ copy;

- Hóa đơn thương mại: 01 bản chính;

- Bản kê chi tiết hàng hóa (nếu nguyên liệu đóng gói không đồng nhất): 01 bản chính và 01 bản photocopy.

1.2. Giấy tờ phải nộp thêm:

- Giấy đăng ký kiểm dịch (đối với hàng yêu cầu phải kiểm dịch): 01 bản chính;

- Giấy phép của Bộ Thương mại, nếu nguyên liệu nhập khẩu thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại: 01 bản photocopy;



- Giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành, nếu nguyên liệu nhập khẩu thuộc mặt hàng theo quy định riêng đối với hàng gia công phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành: 01 bản photocopy.

### 1.3. Giấy tờ phải xuất trình:

Giấy phép nêu tại điểm 1.2 trên đây: 01 bản chính để Hải quan cấp phiếu theo dõi trừ lùi (đối với trường hợp nhập khẩu lô hàng nguyên liệu đầu tiên của hợp đồng) hoặc 01 bản chính kèm phiếu theo dõi, trừ lùi (đối với trường hợp đã được Hải quan cấp phiếu theo dõi trừ lùi).

**2. Quy trình thủ tục hải quan để nhập khẩu lô hàng nguyên liệu gia công** thực hiện như Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu theo hợp đồng mua bán quy định tại Quyết định số 56/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003, nhưng không thực hiện bước kiểm tra tính thuế. Ngoài ra phải thực hiện thêm:

#### 2.1. Đối với công chức Hải quan:

2.1.1. Khi đăng ký tờ khai: Công chức Hải quan làm nhiệm vụ này phải ghi đầy đủ số, ngày tờ khai vào Bảng thống kê tờ khai theo mẫu 08/HQ-GC. Bảng thống kê này chỉ lưu tại Hải quan để đối chiếu với thống kê của doanh nghiệp khi làm thủ tục thanh khoản.

2.1.2. Khi kiểm tra thực tế hàng hóa: Kiểm hóa viên phải lấy mẫu lưu dưới sự chứng kiến của chủ hàng đối với nguyên liệu chính (trừ những trường hợp do tính chất mặt hàng không thể lấy mẫu, lưu mẫu được). Kiểm hóa viên phải ghi đầy đủ, chính xác các tiêu chí trên Phiếu lấy

mẫu theo mẫu 07/HQ-GC và phải niêm phong hải quan mẫu lưu cùng với Phiếu lấy mẫu này; xác nhận đã lấy mẫu nguyên liệu (ghi rõ những chủng loại nguyên liệu đã lấy mẫu) vào tờ khai hải quan; giao mẫu nguyên liệu cho doanh nghiệp bảo quản.

Việc lấy mẫu này áp dụng cho cả những lô hàng được miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.

#### 2.2. Đối với doanh nghiệp:

- Bảo quản mẫu lưu nguyên liệu cho đến khi thanh khoản xong hợp đồng gia công;

- Xuất trình mẫu lưu nguyên liệu này cho Hải quan khi kiểm tra sản phẩm gia công xuất khẩu hoặc trong một số trường hợp khác khi Hải quan yêu cầu.

**3. Thủ tục hải quan đối với những lô hàng nhập khẩu chuyển cửa khẩu** phải kiểm tra thực tế hàng hóa tại cửa khẩu nhập và những lô hàng nhập khẩu chuyển cửa khẩu được miễn kiểm tra thực hiện theo quy định tại Quyết định số 53/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 và Quyết định 145/2003/QĐ-BTC ngày 12/9/2003. Ngoài ra phải thực hiện thêm:

3.1. Đối với Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công: Thực hiện theo quy định tại điểm 2.1.1 trên đây. Chi cục trưởng quyết định nguyên liệu nào cần lấy mẫu lưu (áp dụng cho cả những lô hàng được miễn kiểm tra thực tế hàng hóa).

3.2. Đối với Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập: Lấy mẫu nguyên liệu theo quyết định của Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công; Lập phiếu lấy mẫu, niêm

phong mẫu và giao cho doanh nghiệp bảo quản như quy định tại điểm 2.1.2 trên đây.

3.3. Đối với doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại điểm 2.2 trên đây.

#### **4. Đối với những Chi cục Hải quan ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý hàng gia công:**

- Khi đăng ký tờ khai phải vào máy các số liệu của tờ khai theo các tiêu chí trên máy hoặc đối chiếu số liệu doanh nghiệp truyền đến;

- Sau khi có kết quả kiểm hóa phải vào máy số liệu thực nhập.

5. Thủ tục hải quan đối với những hợp đồng hoặc phụ kiện hợp đồng gia công áp dụng hình thức đăng ký tờ khai 01 lần thực hiện theo văn bản quy định về đăng ký tờ khai 01 lần.

6. Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu nhập khẩu theo hình thức nhập khẩu tại chỗ thực hiện theo Quyết định số 153/2002/QĐ-BTC ngày 17/12/2002 của Bộ Tài chính.

7. Thủ tục hải quan đối với sản phẩm hoàn chỉnh do bên thuê gia công cung cấp để gắn hoặc đóng chung với sản phẩm gia công thành mặt hàng đồng bộ và xuất khẩu ra nước ngoài thực hiện như nguyên liệu gia công, nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Tên sản phẩm hoàn chỉnh và mục đích cung cấp sản phẩm hoàn chỉnh để gắn hoặc đóng chung với sản phẩm gia công thành mặt hàng đồng bộ và xuất khẩu ra nước ngoài phải được ghi rõ

trong hợp đồng gia công hoặc phụ kiện bổ sung hợp đồng gia công;

- Trong bảng định mức sử dụng nguyên liệu cho sản phẩm gia công phải có định mức của sản phẩm hoàn chỉnh này.

### **III. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI NGUYÊN LIỆU DO BÊN NHẬN GIA CÔNG TỰ CUNG ỨNG CHO HỢP ĐỒNG GIA CÔNG**

#### **1. Đối với trường hợp nguyên liệu cung ứng do doanh nghiệp mua tại thị trường Việt Nam:**

1.1. Nguyên liệu do bên nhận gia công cung ứng phải được thỏa thuận trong hợp đồng gia công hoặc phụ kiện hợp đồng về tên gọi, định mức, tỷ lệ hao hụt, số lượng, đơn giá, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán.

1.2. Khi mua nguyên liệu để cung ứng, doanh nghiệp không phải làm thủ tục hải quan, nhưng phải xin phép cơ quan có thẩm quyền nếu nguyên liệu cung ứng thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu phải có giấy phép.

1.3. Khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công, doanh nghiệp phải khai rõ tên gọi, định mức, tỷ lệ hao hụt thực tế, lượng sử dụng của nguyên liệu cung ứng tương ứng với sản phẩm xuất khẩu để tính thuế xuất khẩu nguyên liệu cung ứng (nếu có) và Hải quan trừ lùi vào giấy phép (nếu nguyên liệu cung ứng thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền).

Nếu tại thời điểm xuất khẩu sản phẩm doanh nghiệp không khai báo đúng quy

định này, thì nguyên liệu cung ứng sẽ không được đưa vào thanh khoản hợp đồng gia công. Đối với trường hợp nguyên liệu cung ứng thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, nếu khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm doanh nghiệp không khai báo hoặc có khai báo nhưng không xuất trình được giấy phép thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

## **2. Đối với trường hợp nguyên liệu do doanh nghiệp trực tiếp mua từ nước ngoài để cung ứng cho hợp đồng gia công:**

2.1. Điều kiện cung ứng như điểm 1.1 trên đây.

### **2.2. Thủ tục hải quan:**

- Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu thực hiện theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu.

- Khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công, doanh nghiệp phải khai rõ tên gọi; lượng sử dụng; định mức, tỷ lệ hao hụt thực tế; số, ngày, tháng, năm tờ khai nhập khẩu của nguyên liệu nhập theo loại hình sản xuất xuất khẩu đã sử dụng để sản xuất ra lô hàng gia công xuất khẩu.

- Thanh khoản tờ khai nhập khẩu nguyên liệu theo loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu; tờ khai xuất khẩu là tờ khai xuất khẩu gia công; định mức nguyên liệu là định mức của hợp đồng gia công; hợp đồng xuất khẩu là hợp đồng gia công.

**3. Khi thanh khoản hợp đồng hoặc phụ kiện hợp đồng gia công**, doanh nghiệp phải thống kê đầy đủ toàn bộ nguyên liệu đã cung ứng cho hợp đồng/ phụ kiện hợp đồng gia công đó vào bảng theo mẫu 04/HQ-GC.

## **IV. THỦ TỤC XUẤT KHẨU SẢN PHẨM GIA CÔNG**

### **1. Hồ sơ hải quan:**

#### **1.1. Giấy tờ phải nộp:**

- Tờ khai xuất khẩu: 02 bản chính;  
- Bản kê chi tiết hàng hóa của lô hàng xuất khẩu: 02 bản chính;

- Bảng định mức của từng mã hàng có trong lô hàng xuất khẩu (đối với mã hàng chưa đăng ký định mức với Hải quan): 02 bản chính;

- Bảng khai nguyên liệu do doanh nghiệp tự cung ứng (nếu có) tương ứng với lượng sản phẩm gia công trên tờ khai xuất khẩu (mẫu 11/HQ-GC): 02 bản chính.

#### **1.2. Giấy tờ phải nộp thêm:**

- Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền nếu bên nhận gia công cung ứng nguyên liệu thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu phải có giấy phép: 01 bản photocopy.

#### **1.3. Giấy tờ phải xuất trình:**

Giấy phép nêu tại điểm 1.2 trên đây: 01 bản chính để đối chiếu với bản photocopy phải nộp khi cấp phiếu theo dõi trừ lùi hoặc bản chính kèm theo phiếu theo

dối trừ lùi (nếu đã được Hải quan cấp phiếu theo dõi trừ lùi).

**2. Quy trình thủ tục hải quan để xuất khẩu sản phẩm gia công:** thực hiện như Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu theo hợp đồng mua bán quy định tại Quyết định số 56/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003, nhưng không thực hiện bước kiểm tra tính thuế (trừ trường hợp sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu tự cung ứng mua tại thị trường Việt Nam, thì phải tính thuế xuất khẩu đối với nguyên liệu này). Ngoài ra, phải thực hiện thêm:

#### 2.1. Đối với công chức Hải quan:

- Khi đăng ký tờ khai xuất khẩu, công chức Hải quan đăng ký tờ khai phải kiểm tra việc đăng ký định mức đối với những mã hàng có trong tờ khai xuất khẩu (nếu mã hàng nào chưa đăng ký định mức thì yêu cầu doanh nghiệp nộp Bảng định mức để đăng ký); điền số, ngày tờ khai vào Bảng thống kê tờ khai xuất khẩu (mẫu 09/HQ-GC) như khi đăng ký tờ khai nhập khẩu.

- Đối với lô hàng xuất khẩu quyết định phải kiểm tra thực tế hàng hóa, khi kiểm tra phải đối chiếu mẫu lưu nguyên liệu chính với nguyên liệu cấu thành trên sản phẩm, đối chiếu bản định mức với sản phẩm thực tế xuất khẩu.

#### 2.2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp:

- Xuất trình mẫu lưu nguyên liệu và Bảng định mức đã đăng ký với Hải quan để Hải quan đối chiếu.

- Đối với những lô hàng xuất khẩu được miễn kiểm tra thực tế hàng hóa, những trường hợp nguyên liệu không lấy mẫu được hoặc nguyên liệu bị biến đổi trong quá trình sản xuất (ví dụ sợi len trước khi dệt phải qua công đoạn tẩy, nhuộm...) Hải quan không thể đối chiếu được, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về việc sử dụng đúng nguyên liệu nhập khẩu của hợp đồng gia công.

#### 3. Đối với những Chi cục Hải quan ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý hàng gia công:

- Khi đăng ký tờ khai phải vào máy các thông số của tờ khai theo các tiêu chí trên máy hoặc kiểm tra số liệu doanh nghiệp truyền đến.

- Sau khi có kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa phải vào máy số liệu thực xuất.

**4. Thủ tục hải quan đối với những hợp đồng hoặc phụ kiện hợp đồng gia công** áp dụng hình thức đăng ký tờ khai 01 lần thực hiện theo văn bản quy định về đăng ký tờ khai 01 lần.

**5. Thủ tục hải quan đối với những lô hàng gia công xuất khẩu** chuyển cửa khẩu thực hiện theo thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu chuyển cửa khẩu quy định tại Quyết định số 53/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 và Quyết định số 145/2003/QĐ-BTC ngày 12/9/2003.

Đối với những lô hàng phải kiểm tra thực tế hàng hóa tại cửa khẩu, doanh nghiệp xuất trình mẫu lưu nguyên liệu và Bảng định mức đã đăng ký với Hải quan để Hải quan đối chiếu; Chi cục Hải

quan của khẩu phải thực hiện việc đối chiếu mẫu lưu nguyên liệu và Bảng định mức như quy định tại điểm 2.1 trên đây.

## V. THỦ TỤC XUẤT NHẬP KHẨU TẠI CHỖ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM GIA CÔNG

**1. Điều kiện xuất nhập khẩu tại chỗ:** Thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 44/2001/NĐ-CP ngày 02/8/2001 của Chính phủ và điểm 1.2, điểm 1.3 Phần II Thông tư số 20/2001/TT-BTM ngày 17/8/2001 của Bộ Thương mại. Đối với sản phẩm gia công hoàn chỉnh nhập khẩu tại chỗ để tiêu dùng trực tiếp (không phải làm nguyên liệu sản xuất) thì phải thực hiện đúng quy định về Quy chế ghi nhãn hàng hóa ban hành kèm theo Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

### 2. Thủ tục hải quan:

**2.1. Đối với sản phẩm gia công nhập khẩu tại chỗ để làm nguyên liệu sản xuất:**

- Tờ khai hải quan, thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại điểm 4, điểm 5 Mục I và Mục III bản Quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ ban hành kèm theo Quyết định số 153/2002/QĐ-BTC ngày 17/12/2002 của Bộ Tài chính.

- Hồ sơ hải quan: Đối với xuất khẩu tại chỗ như hồ sơ hải quan khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công ra nước ngoài. Đối với nhập khẩu tại chỗ như hồ

sơ hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài (trừ vận tải đơn)

**2.2. Đối với sản phẩm gia công hoàn chỉnh nhập khẩu tại chỗ để tiêu dùng trực tiếp, thủ tục hải quan thực hiện tại Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công có sản phẩm xuất khẩu tại chỗ. Cụ thể như sau:**

**2.2.1. Doanh nghiệp nhận gia công cho thương nhân nước ngoài:**

- Làm thủ tục đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ như đối với xuất khẩu sản phẩm gia công ra nước ngoài (sử dụng mẫu tờ khai HQ/2002-XK ban hành kèm theo Quyết định số 1257/2001/QĐ-TCHQ ngày 04/12/2001).

- Xuất trình hàng hóa cho Hải quan kiểm tra.

**2.2.2. Doanh nghiệp nhập khẩu:** làm thủ tục đăng ký tờ khai nhập khẩu tại chỗ (sử dụng mẫu tờ khai HQ/2002-NK ban hành kèm theo Quyết định số 1257/2001/QĐ-TCHQ ngày 04/12/2001) và thực hiện các chính sách về nhập khẩu hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng nhập khẩu theo đúng quy định của pháp luật.

**2.2.3. Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công:**

- Đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ cho doanh nghiệp nhận gia công như đối với xuất sản phẩm gia công ra nước ngoài;

- Đăng ký tờ khai nhập khẩu tại chỗ cho doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ như quy định đối với một lô hàng nhập khẩu từ nước ngoài (trong hồ sơ hải quan không yêu cầu phải có vận tải đơn);

- Kiểm tra thực tế hàng hóa như đối với hàng gia công xuất khẩu ra nước ngoài; ghi kết quả kiểm hóa lên cả tờ khai xuất khẩu và tờ khai nhập khẩu;

- Thực hiện việc kiểm tra tính thuế;

- Xác nhận đã làm thủ tục hải quan cho cả tờ khai xuất và tờ khai nhập;

- Xác nhận thực xuất vào tờ khai xuất (ghi số, ngày, ký hiệu của tờ khai nhập khẩu tương ứng, nơi đăng ký, nơi giao hàng);

- Trả tờ khai nhập khẩu (bản chủ hàng lưu) cho doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ; Trả tờ khai xuất khẩu (bản chủ hàng lưu) cho doanh nghiệp nhận gia công; Hồ sơ còn lại Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công lưu theo quy định.

## VI. THỦ TỤC GIAO NHẬN SẢN PHẨM GIA CÔNG CHUYỂN TIẾP

### 1. Nhiệm vụ của doanh nghiệp trong việc giao nhận hàng:

- Trên cơ sở văn bản chỉ định của các bên thuê gia công, doanh nghiệp giao sản phẩm gia công chuyển tiếp (Bên giao) và doanh nghiệp nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp (Bên nhận) tự tổ chức việc giao, nhận hàng theo các bước quy định tại điểm 3 dưới đây.

- Giám đốc Bên giao, Bên nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giao, nhận sản phẩm đúng như khai báo trên tờ khai hàng gia công chuyển tiếp (dưới đây gọi tắt là tờ khai chuyển tiếp).

- Giám đốc Bên giao phải chịu trách nhiệm về việc sản phẩm gia công chuyển tiếp được sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu của hợp đồng gia công.

- Nếu hợp đồng gia công có sản phẩm gia công chuyển tiếp (hợp đồng gia công giao) và hợp đồng gia công sử dụng sản phẩm gia công chuyển tiếp làm nguyên liệu gia công (hợp đồng gia công nhận) đều cùng một doanh nghiệp nhận gia công, thì doanh nghiệp này thực hiện nhiệm vụ của cả Bên giao và Bên nhận.

### 2. Tờ khai chuyển tiếp được sử dụng làm chứng từ để thanh khoản hợp đồng gia công nếu đáp ứng được các yêu cầu:

#### 2.1. Đối với hợp đồng gia công giao:

- Các tiêu chí trên tờ khai phải được kê khai đầy đủ, không tẩy xóa; có xác nhận, ký tên, đóng dấu của cả 4 bên: Bên giao; Bên nhận; Hải quan quản lý hợp đồng gia công giao (Hải quan bên giao); Hải quan quản lý hợp đồng gia công nhận (Hải quan bên nhận).

- Thời điểm xuất trình để Hải quan bên giao xác nhận lên tờ khai phải nằm trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng gia công giao và không quá 15 ngày kể từ ngày Hải quan bên nhận ký xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan lên tờ khai.

#### 2.2. Đối với hợp đồng gia công nhận:

- Các tiêu chí trên tờ khai phải được kê khai đầy đủ, không tẩy xóa; có xác nhận, ký tên, đóng dấu của 3 bên (trừ Hải quan bên giao).

- Thời điểm xuất trình để Hải quan

bên nhận xác nhận lên tờ khai phải nằm trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng gia công nhận và không quá 15 ngày kể từ ngày Bên giao lập tờ khai chuyển tiếp.

### **3. Quy trình thủ tục hải quan:**

#### **Bước 1:**

- Bên giao kê khai đầy đủ các tiêu chí dành cho người giao hàng khai, ghi rõ ngày tháng năm, ký tên, đóng dấu vào ô quy định trên cả 4 tờ khai (mẫu HQ/2004-GCCT do Tổng cục Hải quan ấn hành).

- Giao sản phẩm kèm 04 tờ khai cho Bên nhận.

#### **Bước 2:**

- Sau khi nhận đủ sản phẩm và 04 tờ khai hải quan đã kê khai, ký tên, đóng dấu của Bên giao, Bên nhận khai đầy đủ các tiêu chí dành cho người nhận hàng, ghi rõ ngày tháng năm, ký tên, đóng dấu vào ô quy định trên cả 04 tờ khai.

- Mang hồ sơ hải quan gồm 04 tờ khai, văn bản chỉ định nhận hàng của bên thuê gia công, mẫu hàng gia công chuyển tiếp đến Hải quan bên nhận để đăng ký tờ khai.

#### **Bước 3:**

Hải quan bên nhận:

- Tiếp nhận hồ sơ Hải quan và mẫu hàng gia công chuyển tiếp.

- Tiến hành đăng ký tờ khai; điền số, ngày tờ khai vào Bảng thống kê tờ khai nhập khẩu (mẫu 08/HQ-GC); lập Phiếu lấy mẫu, niêm phong mẫu hàng theo đúng quy định.

- Xác nhận đã làm thủ tục hải quan, ký tên đóng dấu lên cả 04 tờ khai.

- Lưu 01 tờ khai và văn bản chỉ định nhận hàng của bên thuê gia công; Trả cho Bên nhận 03 tờ khai; giao mẫu hàng đã niêm phong hải quan cho Bên nhận tự bảo quản để xuất trình cho Hải quan khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công hoặc các trường hợp khác khi Hải quan yêu cầu.

Bên nhận: Lưu 01 tờ khai; chuyển 02 tờ khai còn lại cho Bên giao.

**Bước 4:** Bên giao sau khi nhận được 02 tờ khai hải quan do Bên nhận chuyển đến đã có đầy đủ kê khai, chữ ký, đóng dấu của Bên nhận và Hải quan bên nhận, mang 02 tờ khai này và văn bản chỉ định giao hàng đến Hải quan bên giao để đăng ký tờ khai.

#### **Bước 5:** Hải quan bên giao:

- Tiếp nhận hồ sơ hải quan (gồm 02 tờ khai hải quan đã có đầy đủ kê khai, xác nhận, chữ ký, đóng dấu của Bên giao, Bên nhận và Hải quan bên nhận; văn bản chỉ định giao hàng của bên thuê gia công).

- Đăng ký tờ khai; điền vào bảng thống kê tờ khai xuất khẩu (mẫu 09/HQ-GC) theo quy định; xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan; ký tên, đóng dấu vào cả 02 tờ khai.

- Trả Bên giao 01 tờ khai; Lưu 01 tờ khai và văn bản chỉ định giao hàng.

Tại các bước trên đây, nếu hợp đồng gia công giao và hợp đồng gia công nhận đều do một Chi cục Hải quan quản lý thì

Chi cục Hải quan này thực hiện nhiệm vụ của cả Hải quan bên giao và Hải quan bên nhận.

Thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp này áp dụng cho cả trường hợp hợp đồng gia công giao và hợp đồng gia công nhận khác đối tác thuê gia công.

## VII. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI SẢN PHẨM GIA CÔNG DÙNG ĐỂ THANH TOÁN TIỀN GIA CÔNG

Thủ tục hải quan đối với việc nhận sản phẩm gia công để thanh toán tiền gia công thực hiện như thủ tục hải quan đối với xuất nhập khẩu tại chỗ sản phẩm gia công quy định tại Mục V trên đây. Hợp đồng mua bán thay bằng văn bản thỏa thuận giữa bên thuê và bên nhận gia công về việc thanh toán tiền gia công bằng sản phẩm gia công.

Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu, chính sách thuế như hàng nhập khẩu từ nước ngoài; tuân thủ các quy định tại Quy chế ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Sản phẩm gia công này được đưa vào để thanh khoản hợp đồng gia công.

## VIII. THỦ TỤC THANH KHOẢN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

### 1. Quy trình thủ tục thanh khoản:

#### 1.1. Doanh nghiệp nộp hồ sơ thanh khoản (Bước 1):

Mỗi hồ sơ thanh khoản nộp 02 bộ bảng biểu và xuất trình kèm theo bản chính các tờ khai hải quan (bản chủ hàng lưu), gồm:

- Bảng tổng hợp nguyên liệu nhập khẩu (Mẫu 01/HQ-GC) kèm theo tờ khai nhập khẩu (kể cả tờ khai nhập khẩu tại chỗ; tờ khai nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp; tờ khai nhận nguyên liệu chuyển từ hợp đồng gia công khác sang) hoặc tờ khai nhập khẩu 01 lần, nếu áp dụng hình thức đăng ký tờ khai 01 lần.

- Bảng tổng hợp sản phẩm gia công xuất khẩu (mẫu 02/HQ-GC) kèm tờ khai xuất khẩu sản phẩm (kể cả tờ khai xuất khẩu tại chỗ; tờ khai giao sản phẩm gia công chuyển tiếp; tờ khai giao nguyên liệu sang hợp đồng gia công khác trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công) hoặc tờ khai xuất khẩu 01 lần, nếu áp dụng hình thức đăng ký tờ khai 01 lần.

- Bảng tổng hợp máy móc, thiết bị tạm nhập (mẫu 03/HQ-GC) kèm tờ khai tạm nhập máy móc, thiết bị mượn; tờ khai nhận máy móc, thiết bị từ hợp đồng gia công khác (nếu có).

- Bảng tổng hợp nguyên liệu do bên nhận gia công cung ứng (nếu có) - Mẫu 04/HQ-GC, kèm các bảng khai nguyên liệu cung ứng khi xuất khẩu sản phẩm và hóa đơn mua hàng hoặc tờ khai nhập khẩu (nếu cung ứng bằng nguồn tự nhập khẩu từ nước ngoài).

- Bảng tổng hợp nguyên liệu đã sử dụng



để sản xuất thành sản phẩm xuất khẩu (mẫu 05/HQ-GC).

- Bảng thanh khoản hợp đồng gia công (mẫu 06/HQ-GC).

Giám đốc doanh nghiệp ký tên, đóng dấu (nếu là hộ kinh doanh cá thể thì ký, ghi rõ họ tên; số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp) vào các bảng biểu nêu trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ thanh khoản nộp cho Hải quan.

### **1.2. Hải quan kiểm tra hồ sơ thanh khoản (Bước 2):**

- Kiểm tra sự đồng bộ, hợp lệ của bộ hồ sơ thanh khoản;

- Đối chiếu số, ngày tờ khai do chủ hàng thống kê trong hồ sơ thanh khoản với số, ngày tờ khai do Hải quan thống kê tại các Bảng 08/HQ-GC và 09/HQ-GC.

- Kiểm tra, đối chiếu các số liệu trên tờ khai với số liệu kê khai của doanh nghiệp trong hồ sơ thanh khoản.

- Kiểm tra, đối chiếu số liệu khác trên hồ sơ (nếu thanh khoản hàng gia công bằng máy vi tính thì đối chiếu biểu mẫu thanh khoản in ra từ máy với biểu mẫu thanh khoản do doanh nghiệp nộp).

- Xác nhận kết quả kiểm tra, đối chiếu vào bảng thanh khoản hợp đồng gia công (mẫu 06/HQ-GC) và trả lại cho doanh nghiệp các tờ khai đã xuất trình.

- Nếu phát hiện có sự gian lận trong hồ sơ thanh khoản thì lập biên bản vi phạm để xử lý theo quy định pháp luật. Nếu phát hiện dấu hiệu gian lận về định mức hoặc những dấu hiệu gian lận khác thì

báo cáo Chi cục trưởng để chuyển cho bộ phận kiểm tra sau thông quan.

- Thời gian kiểm tra, đối chiếu thực hiện như quy định tại điểm 10 Phần I Quy định này.

### **1.3. Giải quyết nguyên liệu thừa, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị mượn (Bước 3):**

Đối với những hợp đồng gia công có nguyên liệu dư thừa, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị mượn, thủ tục hải quan thực hiện theo một trong các phương thức sau:

1.3.1. Thực hiện theo phương thức xuất nhập khẩu tại chỗ nếu nguyên liệu dư, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị mượn sau khi kết thúc hợp đồng gia công bên thuê gia công bán lại cho doanh nghiệp Việt Nam.

1.3.1.1. Điều kiện xuất nhập khẩu tại chỗ: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2001/NĐ-CP ngày 02/8/2001 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thương mại tại Thông tư số 20/2001/TT-BTM ngày 17/8/2001.

1.3.1.2. Thủ tục hải quan:

- Thực hiện theo quy định tại điểm 2.1 Mục V trên đây (trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu đồng thời là người nhận gia công thì tờ khai hải quan chỉ cần 01 bản chủ hàng lưu và 01 bản Hải quan lưu).

Nếu hợp đồng gia công tách ra thành nhiều phụ kiện để thực hiện, thì tại ô 43 tờ khai HQ/2002-TC ghi số, ngày, tháng,

năm của phụ kiện có hàng xuất khẩu tại chỗ.

- Sau khi làm xong thủ tục hải quan Chi cục Hải quan làm thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ photo tờ khai lưu cùng hồ sơ của hợp đồng gia công; trả tờ khai (bản chủ hàng lưu) và các chứng từ xuất trình cho doanh nghiệp, hồ sơ còn lại lưu theo quy định hiện hành.

- Doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ phải nộp thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành như đối với hàng nhập khẩu từ nước ngoài.

**1.3.2. Tái xuất ra nước ngoài:** Thủ tục hải quan thực hiện như đối với lô hàng tái xuất khác. Kiểm hóa viên phải đối chiếu nguyên liệu tái xuất với mẫu lưu nguyên liệu lấy khi nhập khẩu.

**1.3.3. Chuyển sang hợp đồng gia công khác theo chỉ định của bên thuê gia công:**

- Thủ tục chuyển nguyên liệu dư thừa, máy móc, thiết bị sang hợp đồng gia công khác thực hiện theo quy định tại Mục VI nêu trên. Hải quan bên nhận phải đối chiếu mẫu lưu nguyên liệu lấy khi nhập khẩu với nguyên liệu chuyển giao, nếu phù hợp thì tiến hành lấy mẫu mới cho hợp đồng nhận nguyên liệu (đối với những nguyên liệu quy định phải lấy mẫu, doanh nghiệp không được đưa vào sử dụng khi Hải quan chưa thực hiện việc đối chiếu mẫu).

- Nếu 2 hợp đồng gia công đều cùng doanh nghiệp nhận gia công, thì doanh nghiệp này thực hiện nhiệm vụ của cả Bên giao và Bên nhận.

- Nếu 2 hợp đồng gia công đều do một

Chi cục Hải quan quản lý, thì Chi cục Hải quan này phải thực hiện nhiệm vụ của cả Hải quan bên giao và Hải quan bên nhận.

- Thủ tục này áp dụng cho cả trường hợp chuyển nguyên liệu, máy móc thiết bị mượn theo chỉ định của bên thuê gia công khi hợp đồng gia công giao đang thực hiện và áp dụng cho cả trường hợp khác đối tác thuê gia công.

#### **1.3.4. Biểu tặng:**

##### **1.3.4.1. Hồ sơ hải quan gồm:**

- Tờ khai hải quan (sử dụng tờ khai hàng phi mậu dịch): trên tờ khai phải ghi rõ “hàng thuộc hợp đồng gia công số...ngày....tháng....năm... Doanh nghiệp nhận gia công...”

- Văn bản tặng của bên đặt gia công,

- Văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại nếu hàng biểu tặng thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu hoặc hàng nhập khẩu cần có giấy phép của Bộ Thương mại; văn bản cho phép của cơ quan chuyên ngành nếu hàng nhập khẩu phải có giấy phép của cơ quan chuyên ngành.

**1.3.4.2. Thủ tục hải quan và chính sách thuế thực hiện theo quy định đối với hàng biểu tặng.** Sau khi hoàn thành thủ tục cho lô hàng, Hải quan sao 01 tờ khai giao cho doanh nghiệp nhận gia công (nếu người được biểu tặng không phải là người nhận gia công), photocopy 01 tờ khai lưu vào hợp đồng gia công, lưu tờ khai bản chính (bản Hải quan lưu) theo quy định, trả cho người được biểu tặng tờ khai bản chính (bản chủ hàng).

**1.3.5. Tiêu hủy phế liệu, phế phẩm, nếu bên đặt gia công đề nghị được tiêu hủy tại Việt Nam:**

1.3.5.1. Việc tiêu hủy thực hiện sau khi kết thúc hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công.

1.3.5.2. Trước khi tiến hành tiêu hủy, doanh nghiệp phải xin phép Bộ Thương mại nếu phế liệu, phế phẩm tiêu hủy thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, hàng hóa nhập khẩu phải có giấy phép; xin phép cơ quan quản lý môi trường nếu phế liệu, phế phẩm tiêu hủy có ảnh hưởng đến môi trường. Nếu Bộ Thương mại hoặc cơ quan quản lý môi trường không cho phép tiêu hủy tại Việt Nam thì doanh nghiệp phải xuất trả cho bên thuê gia công.

1.3.5.3. Thủ tục Hải quan giám sát tiêu hủy thực hiện như sau:

- Doanh nghiệp có văn bản gửi Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công thông báo thời gian, địa điểm tiêu hủy kèm theo văn bản thỏa thuận của bên thuê gia công và văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại (đối với trường hợp tiêu hủy phải xin phép Bộ Thương mại).

- Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công cử 02 công chức Hải quan giám sát quá trình tiêu hủy.

- Doanh nghiệp tự tổ chức việc tiêu hủy và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường về tác động của toàn bộ quá trình tiêu hủy đối với môi trường.

- Khi kết thúc tiêu hủy, các bên phải tiến hành lập biên bản xác nhận việc tiêu hủy theo đúng quy định. Biên bản này phải có chữ ký của Giám đốc doanh nghiệp, dấu của doanh nghiệp có hàng tiêu hủy; họ, tên, chữ ký của công chức Hải quan giám sát việc tiêu hủy, những người được Giám đốc doanh nghiệp giao thực hiện tiêu hủy.

**1.4. Xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản (Bước 4):**

- Sau khi doanh nghiệp đã hoàn thành Bước 3 nêu trên thì Hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản lên cả 02 bản thanh khoản hợp đồng gia công (mẫu 06/HQ-GC). Xác nhận phải ghi rõ: nguyên liệu thừa; máy móc, thiết bị mượn (nếu có) đã chuyển sang hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công nào, theo tờ khai nào; hoặc đã tái xuất/tiêu thụ nội địa, biểu tặng theo tờ khai nào; Phế liệu, phế phẩm đã tiêu thụ nội địa/biểu tặng/tái xuất theo tờ khai nào hoặc đã tiêu hủy theo biên bản nào. Đóng dấu xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản (mẫu dấu số 05 phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1200/2001/QĐ-TCHQ ngày 23/11/2001).

- Trả 01 bộ hồ sơ thanh khoản cho doanh nghiệp; lưu bộ hồ sơ còn lại.

**2. Thủ tục thanh khoản khi áp dụng biện pháp xác nhận thanh khoản trước, kiểm tra hồ sơ thanh khoản sau:**

Đối với những Chi cục Hải quan đang thực hiện thanh khoản bằng phương pháp thủ công thì tiến hành phân loại

doanh nghiệp. Những doanh nghiệp thuộc đối tượng nêu tại điểm 9.1.2 Phần 1 Quy định này và có quá trình thực hiện thanh khoản không có sai sót thì thực hiện các bước thanh khoản như sau:

Sau khi thực hiện xong Bước 1 thì tiến hành thực hiện ngay Bước 3 và Bước 4.

Trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ thanh khoản theo đúng quy định, bộ phận thanh khoản của Hải quan phải thực hiện xong Bước 2 trên bộ hồ sơ thanh khoản lưu tại Hải quan. Nếu phát hiện vi phạm, thì lập biên bản vi phạm và tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

### **3. Xử lý các trường hợp doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động nhưng còn hợp đồng gia công chưa thanh khoản:**

**3.1.** Đối với những doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về thủ tục giải thể doanh nghiệp, còn nguyên liệu, máy móc thiết bị thuê mượn để gia công chưa xuất khẩu:

**3.1.1.** Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công thường xuyên liên hệ với Cục Thuế địa phương, cơ quan đăng ký kinh doanh, theo dõi trên báo chí và áp dụng các biện pháp khác để cập nhật thông tin về các doanh nghiệp giải thể.

**3.1.2.** Tính thuế đối với nguyên liệu dư, máy móc, thiết bị thuê mượn (không thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu) chưa tái xuất để thực hiện việc thu nợ thuế theo quy định tại Thông tư số 66/2002/TT-BTC ngày 06/8/2002 của Bộ Tài chính (nếu

doanh nghiệp giải thể là doanh nghiệp Nhà nước), Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ (nếu doanh nghiệp giải thể là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), Điều 112 Luật Doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp giải thể khác và Điều 46 Luật Hợp tác xã nếu giải thể hợp tác xã.

**3.1.3.** Nếu doanh nghiệp nhận gia công hàng cấm nhưng không xuất hết thì yêu cầu ban thanh lý hoặc tổ thanh lý tái xuất hết. Trường hợp doanh nghiệp đã tự ý tiêu thụ thì xử lý như quy định tại điểm 3.2 dưới đây.

**3.2.** Đối với những doanh nghiệp tự giải thể không thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp (không có thông báo giải thể doanh nghiệp, không có quyết định giải thể...) còn nguyên liệu dư, máy móc, thiết bị thuê mượn:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật, bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công chuyển hồ sơ cho đơn vị Hải quan làm nhiệm vụ điều tra chống buôn lậu thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố tiến hành xác minh, điều tra, xử lý (hoặc chuyển cho cấp có thẩm quyền, cơ quan chức năng xử lý) đối với người có hành vi vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

**3.3.** Nếu các doanh nghiệp trên còn hợp đồng gia công chưa thanh khoản nhưng thực tế doanh nghiệp đã tái xuất hết

hàng hóa gia công thì Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công căn cứ hồ sơ lưu tại Hải quan để tự thanh khoản và chịu trách nhiệm về số liệu thanh khoản này.

### Phần 3

## THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI ĐẶT GIA CÔNG HÀNG HÓA Ở NƯỚC NGOÀI

### I. THỦ TỤC TIẾP NHẬN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

#### 1. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

Trước khi làm thủ tục xuất khẩu lô hàng đầu tiên của hợp đồng gia công, doanh nghiệp phải nộp và xuất trình hồ sơ để cơ quan Hải quan làm thủ tục tiếp nhận hợp đồng.

Hồ sơ nộp và xuất trình bao gồm:

- Hợp đồng gia công và các phụ kiện kèm theo (nếu có): 02 bản chính;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư: 01 bản photocopy;
- Giấy chứng nhận đăng ký mã số kinh doanh xuất nhập khẩu: 01 bản photocopy;
- Giấy phép của Bộ Thương mại hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu hàng hóa xuất khẩu để thực hiện hợp đồng gia công và sản phẩm gia công nhập khẩu thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu; xuất khẩu, nhập khẩu phải có giấy phép của Bộ

Thương mại hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành): nộp 01 bản photocopy; xuất trình bản chính.

- Văn bản xác nhận của Bộ quản lý chuyên ngành xác nhận công đoạn đặt gia công ở nước ngoài trong nước chưa thực hiện được hoặc chưa đảm bảo yêu cầu về chất lượng: nộp 01 bản photocopy, xuất trình bản chính.

**2. Nhiệm vụ của công chức Hải quan tiếp nhận hợp đồng gia công: thực hiện như Mục I Phần 2 Quy định này.**

### II. THỦ TỤC XUẤT KHẨU NGUYÊN LIỆU

**1. Hồ sơ hải quan** như hồ sơ lô hàng xuất khẩu sản phẩm gia công; ngoài ra phải xuất trình thêm giấy phép của cơ quan có thẩm quyền (nếu nguyên liệu xuất khẩu thuộc Danh mục hàng cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, xuất khẩu phải có giấy phép của Bộ Thương mại hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành) để Hải quan trừ lùi.

**2. Quy trình thủ tục hải quan** thực hiện như Quy trình thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công quy định tại điểm 2 Mục IV Phần 2 Quy định này. Khi kiểm hóa thay việc đối chiếu mẫu bằng việc lấy mẫu lưu nguyên liệu.

### III. THỦ TỤC NHẬP KHẨU SẢN PHẨM GIA CÔNG

**1. Hồ sơ hải quan** như loại hình nhập

kinh doanh; tờ khai hải quan đăng ký theo loại hình nhập gia công.

**2. Quy trình thủ tục hải quan** thực hiện như Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu theo hợp đồng mua bán quy định tại Quyết định số 56/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003.

Khi khai hải quan, nếu sản phẩm gia công có sử dụng nguyên liệu mua từ nước ngoài thì doanh nghiệp phải khai rõ chủng loại, số lượng nguyên liệu mua tại nước ngoài tương ứng với lô hàng nhập khẩu để làm cơ sở cho việc tính thuế nhập khẩu.

Khi kiểm tra thực tế hàng hóa phải đối chiếu mẫu lưu nguyên liệu lấy khi xuất khẩu với nguyên liệu cấu thành trên sản phẩm.

**3. Chính sách thuế** thực hiện theo quy định về thuế đối với sản phẩm đặt gia công ở nước ngoài.

#### IV. THỦ TỤC THANH KHOẢN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

**Bước 1:** Doanh nghiệp nộp hồ sơ thanh khoản, gồm:

- Bảng tổng hợp nguyên liệu xuất khẩu (02 bản chính) kèm tờ khai xuất khẩu;

- Bảng tổng hợp sản phẩm nhập khẩu (02 bản chính) kèm tờ khai nhập khẩu;

- Bảng tổng hợp nguyên liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm gia công đã nhập khẩu: 02 bản chính;

- Bảng tổng hợp nguyên liệu mua ở nước ngoài để sản xuất sản phẩm gia công đã nhập khẩu: 02 bản chính;

- Bảng thanh khoản hợp đồng gia công: 02 bản chính.

**Bước 2:** Hải quan kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thanh khoản:

Thực hiện như đối với nhận gia công cho nước ngoài.

**Bước 3:** Tính thuế xuất khẩu đối với sản phẩm gia công bán tại nước ngoài và giải quyết nguyên liệu thừa, máy móc, thiết bị tạm xuất phục vụ gia công. Việc giải quyết nguyên liệu thừa; máy móc, thiết bị tạm xuất thực hiện như sau:

1. Nhập trở lại Việt Nam:

- Nếu là nguyên liệu, máy móc, thiết bị trong nước xuất ra nước ngoài để phục vụ gia công thì các bước thủ tục thực hiện theo hàng tái nhập.

- Nếu từ nguồn nguyên liệu, máy móc, thiết bị mua tại nước ngoài thì làm thủ tục như hàng nhập khẩu theo hợp đồng mua bán.

2. Bán tại nước ngoài: nếu là nguyên liệu, máy móc, thiết bị từ trong nước xuất ra nước ngoài để phục vụ gia công thì thu thuế xuất khẩu.

**Bước 4:** Xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản:

Thực hiện như xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản hợp đồng nhận gia công cho thương nhân nước ngoài./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thứ trưởng*

**Trương Chí Trung**

HẢI QUAN VIỆT NAM

TỜ KHAI HÀNG GIA CÔNG CHUYỂN TIẾP

HQ/2004-GCCT

A- PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI GIAO HÀNG, NGƯỜI NHẬN HÀNG

1. Người giao hàng:											5. Loại hình: <input type="checkbox"/> Giao SPGCCT <input type="checkbox"/> Giao NLD <input type="checkbox"/> Giao MM, TB	6. HDGC giao: Số: Ngày: Ngày hết hạn:	7. PKHDGC giao: Số: Ngày: Ngày hết hạn:									
2. Người nhận hàng:											8. Loại hình: <input type="checkbox"/> Nhận SPGCCT <input type="checkbox"/> Nhận NLD <input type="checkbox"/> Nhận MM, TB	9. HDGC nhận: Số: Ngày: Ngày hết hạn:	10. PKHDGC nhận: Số: Ngày: Ngày hết hạn:									
3. Người chỉ định giao hàng:											11. Địa điểm giao hàng:											
4. Người chỉ định nhận hàng:											12. Đại lý làm thủ tục hải quan:											

SỐ THỨ TỰ	13. TÊN HÀNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT	14. MÃ SỐ HÀNG HÓA	15. ĐƠN VỊ TÍNH	16. LƯỢNG	17. ĐƠN GIÁ	18. TRỊ GIÁ
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

096633681

19. Chứng từ kèm theo:      Bản chính      Bản sao - Chỉ định giao hàng:      .....      ..... ..... .....		20. Chứng từ kèm theo:      Bản chính      Bản sao - Chỉ định nhận hàng:      ..... ..... .....	
21. Người giao hàng: Cam kết đã giao đúng, đủ các sản phẩm kê khai trên tờ khai này và chịu trách nhiệm về nội dung khai trên tờ khai này. <i>Ngày.....tháng.....năm.....</i>		22. Người nhận hàng: Cam kết đã nhận đúng, đủ các sản phẩm kê khai trên tờ khai này và chịu trách nhiệm về nội dung khai trên tờ khai này. <i>Ngày.....tháng.....năm.....</i>	
(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<b>B. PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC GIAO HÀNG</b>			
Tổng cục Hải quan Cục Hải quan:..... Chi cục Hải quan:.....		Tờ khai số:...../G/...../..... Ngày đăng ký:.....	Cán bộ đăng ký (ký, ghi rõ họ tên)
23. Lệ phí hải quan:..... bằng chữ: .....			
Biên lai thu lệ phí số:..... ngày:.....			
24. Ghi chép khác của Hải quan:		25. Xác nhận đã làm thủ tục hải quan (ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<b>C. PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC NHẬN HÀNG</b>			
Tổng cục Hải quan Cục Hải quan:..... Chi cục Hải quan:.....		Tờ khai số:...../N/...../..... Ngày đăng ký:.....	Cán bộ đăng ký (ký, ghi rõ họ tên)
26. Lệ phí hải quan:..... bằng chữ: .....			
Biên lai thu lệ phí số:..... ngày:.....			
27. Ghi chép khác của Hải quan:		28. Xác nhận đã làm thủ tục hải quan (ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	



## BẢN HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU TỜ KHAI HÀNG GIA CÔNG CHUYÊN TIẾP

(ban hành kèm theo Quyết định số 69/2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

### A. Quy định chung:

1. Văn bản này chỉ hướng dẫn sử dụng một số ô, cột có đặc thù riêng của tờ khai hàng gia công chuyên tiếp. Các ô, cột khác đã thể hiện cụ thể trên tờ khai nên không hướng dẫn thêm.

2. Người khai chỉ được sử dụng một loại mực (không dùng mực đỏ) để khai, không được tẩy xóa, sửa chữa.

3. Tờ khai hải quan này do Tổng cục Hải quan thống nhất phát hành và quản lý trong toàn quốc.

### B. Hướng dẫn sử dụng cụ thể:

1. Người giao hàng khai các ô, cột sau: số 1, số 3, số 5, số 6, số 7, số 11, số 13, số 14, số 15, số 16, số 17, số 18, số 19 và số 21.

2. Người nhận hàng khai các ô, mục còn lại của phần A.

3. Ô số 3, số 4: ghi khách hàng nước ngoài ký hợp đồng gia công với doanh nghiệp Việt Nam.

4. Ô số 5:

- Ký hiệu "Giao SPGCCT" là giao sản phẩm gia công chuyên tiếp cho hợp đồng gia công khác.

- Ký hiệu "Giao NLD" là giao nguyên liệu dư cho hợp đồng gia công khác.

- Ký hiệu "Giao MM, TB" là giao máy móc, thiết bị cho hợp đồng gia công khác.

Đánh dấu (V) vào ô thích hợp đối với loại hình giao. Ví dụ: giao sản phẩm gia công chuyên tiếp thì đánh dấu vào ô "Giao SPGCCT".

5. Ô số 8:

- Ký hiệu "Nhận SPGCCT" là nhận sản phẩm gia công chuyên tiếp từ hợp đồng gia công khác chuyển sang.

- Ký hiệu "Nhận NLD" là nhận nguyên liệu dư từ hợp đồng gia công khác chuyển sang.

- Ký hiệu: "Nhận MM, TB" là nhận máy móc, thiết bị từ hợp đồng gia công khác chuyển sang.

Đánh dấu (V) vào ô thích hợp đối với loại hình nhận. Ví dụ: nhận sản phẩm gia công chuyên tiếp thì đánh dấu vào ô "Nhận SPGCCT".

6. Các ô số 6,7,9,10:

- Ô số 6 "HDGC giao": ghi số, ngày; ngày hết hạn của hợp đồng gia công giao sản phẩm gia công chuyển tiếp, nguyên liệu dư, máy móc thiết bị mượn;

- Ô số 7 "PKHDGC giao": ghi số, ngày; ngày hết hạn của phụ kiện hợp đồng gia công giao sản phẩm gia công chuyển tiếp, nguyên liệu dư, máy móc, thiết bị mượn, nếu hợp đồng gia công được tách ra thành nhiều phụ kiện để thực hiện;

- Ô số 9 "HDGC nhận": ghi số, ngày; ngày hết hạn của hợp đồng gia công nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp, nguyên liệu dư, máy móc thiết bị mượn;

- Ô số 10 "PKHDGC nhận": ghi số, ngày; ngày hết hạn của phụ kiện hợp đồng gia công nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp, nguyên liệu dư, máy móc thiết bị mượn, nếu hợp đồng gia công được tách ra thành nhiều phụ kiện để thực hiện.

7. Ô số 11: Ghi nơi giao nhận hàng giữa 2 doanh nghiệp nhận gia công.

8. Ô 12 chỉ ghi khi có đại lý làm thủ tục hải quan.

9. Ô số 17: Đối với nguyên liệu dư chuyển sang hợp đồng gia công khác thì ghi đơn giá theo giá trên Invoice khi nhập khẩu nguyên liệu; Đối với sản phẩm gia công chuyển tiếp thì ghi đơn giá như đối với trường hợp xuất khẩu ra nước ngoài; Đối với trường hợp chuyển máy móc, thiết bị sang hợp đồng gia công khác thì cột này không phải ghi.

10. Cách ghi số đăng ký tờ khai của Hải quan làm thủ tục giao hàng (tại Phần B của tờ khai) như sau:

Số tờ khai/G/loại hình/đơn vị Hải quan làm thủ tục.

Ví dụ: Số tờ khai theo số thứ tự trên sổ hoặc trên máy là 29, loại hình là giao sản phẩm gia công chuyển tiếp, đơn vị Hải quan làm thủ tục là Hải quan Sóng Thần được ghi như sau:

29/G/SPGCCT/ST

11. Cách ghi số tờ khai của Hải quan làm thủ tục nhận hàng (tại phần C của tờ khai) như sau:

Số tờ khai/N/loại hình/đơn vị Hải quan làm thủ tục.



# BẢNG TỔNG HỢP SẢN PHẨM GIA CÔNG XUẤT KHẨU

Tờ số:

Mẫu: 02/HQ-GC, Khổ A4 (ban hành kèm theo Quyết định số 69/2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Phụ kiện hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Bên thuê: ..... Địa chỉ .....

Bên nhận: ..... Địa chỉ .....

Mặt hàng: ..... Số lượng .....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục: .....

Mã hàng	Đơn vị tính	Tờ khai số..... ngày.....	Tờ khai số..... ngày.....	Tờ khai số..... ngày.....	Tờ khai số..... ngày.....	Tờ khai số..... ngày.....	Tổng cộng	Ghi chú
		Lượng	Lượng	Lượng	Lượng	Lượng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng .....năm.....

Người lập biểu

# BẢNG TỔNG HỢP MÁY MÓC, THIẾT BỊ TẠM NHẬP

Tờ số:

Mẫu: 03/HQ-GC, Khổ A4 (ban hành kèm theo Quyết định số 69/2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Phụ kiện hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Bên thuê: ..... Địa chỉ .....

Bên nhận: ..... Địa chỉ .....

Mặt hàng: ..... Số lượng .....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục: .....

Tên máy móc, thiết bị tạm nhập	Đơn vị tính	Tờ khai số..... ngày.....	Tờ khai số..... ngày.....	Tờ khai số..... ngày.....	Tờ khai số..... ngày.....	Tờ khai số..... ngày.....	Tổng cộng	Ghi chú
		Lượng	Lượng	Lượng	Lượng	Lượng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Giám đốc doanh nghiệp  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng .....năm.....  
Người lập biểu

# BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN LIỆU DO BÊN NHẬN GIA CÔNG CUNG ỨNG

(Gồm nguyên liệu mua tại Việt Nam và nguyên phụ liệu nhập khẩu theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu để phục vụ gia công)

Mẫu: 04/HQ-GC, Khổ A4 (ban hành kèm theo Quyết định số 69 /2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Hợp đồng gia công số/Bên thuê:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
Phụ kiện hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
Bên nhận:..... Địa chỉ:.....  
Mặt hàng:..... Số lượng:.....  
Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

Số thứ tự	Tên NPL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng trị giá	Hình thức cung ứng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

**Giám đốc doanh nghiệp**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....  
**Người lập biểu**

*Ghi chú:* Tại cột (7) ghi: Mua tại Việt Nam (nếu doanh nghiệp gia công mua nguyên liệu tại Việt Nam để phục vụ gia công); NSXXK (nếu doanh nghiệp tự mua nguyên liệu từ nước ngoài để phục vụ gia công). Trường hợp hình thức cung ứng là NSXXK thì phải ghi rõ số tờ khai.

# BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN LIỆU ĐÃ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT THÀNH SẢN PHẨM XUẤT KHẨU

(Quy đổi từ lượng sản phẩm đã thực xuất khẩu)

Mẫu: 05/HQ-GC, Khổ A4 (ban hành kèm theo Quyết định số 69 /2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Hợp đồng gia công số/Bên thuê:.....Ngày:.....Thời hạn:.....  
 Phụ kiện hợp đồng gia công số:.....Ngày:.....Thời hạn:.....  
 Bên nhận:.....Địa chỉ:.....  
 Mặt hàng:.....Số lượng:.....  
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

Số thứ tự	Tên NL	Đơn vị tính	Lượng nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất thành sản phẩm xuất khẩu theo từng mã hàng												
			Mã hàng:.....			Mã hàng:.....			Mã hàng:.....			Mã hàng:.....			Tổng lượng NL đã sử dụng
			Số lượng:.....M(1)...			Số lượng:.....			Số lượng:.....			Số lượng:.....			
			Định mức	Tỷ lệ hao hụt	Lượng sử dụng	Định mức	Tỷ lệ hao hụt	Lượng sử dụng	Định mức	Tỷ lệ hao hụt	Lượng sử dụng	Định mức	Tỷ lệ hao hụt	Lượng sử dụng	
Đ (1)	H (1)	L (1)													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

**Giám đốc doanh nghiệp**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày...tháng...năm....  
Người lập biểu

Số 8 - 08 - 9 - 2004  
Số 9 - 08 - 9 - 2004

CÔNG BẢO

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

1- Công thức tính tổng lượng sử dụng của từng loại nguyên liệu để sản xuất từng mã hàng:

$$L(i) = M_i(\Delta_i + \Delta_i H_i) = M_i \Delta_i (1 + H_i)$$

Trong đó:

$L(i)$  là lượng sử dụng của loại nguyên liệu nào đó để sản xuất ra mã hàng (i).

$M(i)$  là tổng lượng sản phẩm của mã hàng (i) đã được thực xuất khẩu (Số liệu lấy ở Bảng 02/HQ-GC).

$\Delta(i)$  là định mức của mã hàng (i) tính cho 1 đơn vị sản phẩm.

$H(i)$  là tỷ lệ hao hụt nguyên liệu khi sản xuất mã hàng (i) tính theo % (Nếu trong hợp đồng thỏa thuận tỷ lệ hao hụt theo từng mã hàng, thì mã hàng nào lấy tỷ lệ hao hụt theo mã hàng đó. Nếu trong hợp đồng chỉ thỏa thuận 1 tỷ lệ hao hụt chung cho tất cả các mã hàng của hợp đồng thì tất cả các mã hàng đều lấy tỷ lệ hao hụt đó. Nếu trong hợp đồng không ghi tỷ lệ hao hụt thì đại lượng  $H(i) = 0$ ).

*Vi dụ:* Tính lượng da sử dụng để sản xuất giấy, số lượng sản phẩm của một mã hàng đã thực xuất khẩu là 5000 đôi, định mức sử dụng da của mã hàng này là 0,07FTD/đôi, tỷ lệ hao hụt của da đối với mã hàng này là 3%:

Ở ví dụ này ta có:  $M_i = 5000$

$\Delta_i = 0,07$

$H_i = 3\%$

Lượng da đã sử dụng để sản xuất 5000 đôi giấy xuất khẩu là:

$$L = 5000 \times 0,07 (1 + 0,03) = 360,5 \text{FTD.}$$



2. Công thức tính lượng sử dụng của từng loại nguyên liệu để sản xuất toàn bộ sản phẩm xuất khẩu:

$$L = L1 + L2 + L3 + L4 + ..... + Ln$$

*Trong đó:*

L là tổng lượng sử dụng của loại nguyên liệu nào đó để sản xuất ra toàn bộ sản phẩm đã xuất khẩu.

L(1) là lượng sử dụng của loại NL đó để sản xuất ra mã hàng thứ nhất (số liệu ghi ở cột 6).

L(2) là lượng sử dụng của loại NL đó để sản xuất ra mã hàng thứ hai (số liệu ghi ở cột 9).

L(3) là lượng sử dụng của loại NL đó để sản xuất ra mã hàng thứ ba (số liệu ghi ở cột 12).

L(4) là lượng sử dụng của loại NL đó để sản xuất ra mã hàng thứ bốn (số liệu ghi ở cột 15).

.....  
L(n) là lượng sử dụng của loại NL đó để sản xuất ra mã hàng thứ n (ghi ở cột thứ 3n + 3).

# BẢNG THANH KHOẢN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

Mẫu: 06/HQ-GC, Khổ A4 (ban hành kèm theo Quyết định số 69 /2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Hợp đồng gia công số/Bên thuê:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
Phụ kiện hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
Bên nhận:..... Địa chỉ:.....  
Mặt hàng:..... Số lượng:.....  
Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

Số thứ tự	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Số lượng NK	Tổng lượng cung ứng	Tổng lượng XK	Nguyên liệu dư	Biện pháp xử lý nguyên liệu dư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							<u>Đề nghị của DN:</u>
							<u>Ý kiến của Hải quan:</u>

Giám đốc doanh nghiệp  
(Ký tên, đóng dấu)

Người lập biểu:

Công chức Hải quan  
đối chiếu:

(Ghi ngày tháng hoàn thành  
việc đối chiếu;  
Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Xác nhận hoàn thành  
thủ tục thanh khoản  
(Lãnh đạo Đội thanh  
khoản ký tên, đóng dấu)

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

### 1. Công thức tính lượng nguyên liệu dư:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lượng nguyên} & = & \text{Tổng lượng} & - & \text{(Tổng lượng xuất khẩu} & - & \text{Tổng lượng} \\ \text{liệu dư} & & \text{nhập khẩu} & & \text{(cột 6)} & & \text{cung ứng)} \\ \text{(cột 7)} & & \text{(cột 4)} & & & & \text{(cột 5)} \end{array}$$

- Tổng lượng nhập khẩu: Lấy số liệu ở Bảng 01/HQ-GC.
- Tổng lượng xuất khẩu: Lấy số liệu ở cột 16, Bảng 05/HQ-GC.
- Tổng lượng cung ứng: Lấy số liệu ở cột 4, Bảng 04/HQ-GC.

### 2. Xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản:

Sau khi hoàn thành việc đối chiếu thanh khoản, nếu không phát hiện có gì sai sót và doanh nghiệp thực hiện xong việc xử lý nguyên liệu dư thừa, phế liệu, phế phẩm máy móc, thiết bị mượn (nếu có) theo yêu cầu của Hải quan, thì đơn vị Hải quan theo dõi hợp đồng gia công xác nhận hợp đồng/phụ kiện hợp đồng đã hoàn thành thủ tục thanh khoản lên cả 2 bản thanh khoản, trả cho chủ hàng 01 bản.

**PHIẾU LẤY MẪU NGUYÊN LIỆU GIA CÔNG**

Mẫu: 07/HQ-GC (ban hành kèm theo Quyết định số 69/2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Tên nguyên liệu: .....Số lượng nhập: .....
- Tờ khai số: ..... ngày ..... tháng..... năm .....
- Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: .....
- Hình thức kiểm tra:.....
- Chi cục Hải quan kiểm tra:.....
- Người lấy mẫu: .....; Số lượng mẫu:.....
- Hợp đồng gia công số: ..... ngày .....; Phụ kiện số..... ngày: .....
- Bên thuê gia công:.....
- Bên nhận gia công:.....

**Đại diện chủ hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Công chức Hải quan lấy mẫu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

09638681

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

1. Phiếu lấy mẫu phải niêm phong hải quan cùng với mẫu nguyên liệu.
2. Đối với lô hàng được miễn kiểm tra hải quan tại tiêu thức "Hình thức kiểm tra" ghi "Miễn kiểm tra". Công chức Hải quan làm nhiệm vụ thông quan hàng hóa tiến hành lấy mẫu dưới sự chứng kiến của chủ hàng hoặc đại diện của chủ hàng; ghi rõ họ tên vào tiêu thức "Người lấy mẫu" và ký vào tiêu thức "Công chức Hải quan lấy mẫu". Chủ hàng hoặc đại diện chủ hàng ký vào tiêu thức "Đại diện chủ hàng".
3. Đối với trường hợp lô hàng phải kiểm tra, kiểm hóa viên phải lấy mẫu khi kiểm hóa dưới sự chứng kiến của chủ hàng hoặc đại diện chủ hàng; lập phiếu lấy mẫu và niêm phong mẫu. Tại tiêu chí "Người lấy mẫu" ghi tên kiểm hóa viên lấy mẫu. Kiểm hóa viên lấy mẫu ký vào tiêu thức "Công chức Hải quan lấy mẫu"; Chủ hàng hoặc đại diện chủ hàng ký xác nhận kết quả kiểm hóa trên tờ khai ký và ghi rõ họ tên vào tiêu thức "Đại diện chủ hàng".

**BẢNG THỐNG KÊ TỜ KHAI NHẬP KHẨU**

Tờ số:.....

Mẫu: 08/HQ-GC, Khổ A4 (ban hành kèm theo Quyết định số 69/2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Hợp đồng gia công số: ..... ngày..... Thời hạn.....

Phụ kiện hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Bên thuê: ..... Địa chỉ .....

Bên nhận: ..... Địa chỉ .....

Mặt hàng: ..... Số lượng.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục: .....

Số thứ tự	Số tờ khai	Ngày tờ khai	Cửa khẩu nhập	Cán bộ HQ thống kê TK (ký, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

Cộng:..... Tổng tờ khai:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục

(Ký tên, đóng dấu)

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Mỗi hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công phải lập 01 bảng thống kê tờ khai nhập khẩu. Bảng này được lưu tại Hải quan để Hải quan thống kê số, ngày tờ khai nhập khẩu khi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu từng lô hàng. Khi thanh khoản hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công, công chức Hải quan làm nhiệm vụ thanh khoản đối chiếu Bảng thống kê này với thống kê tờ khai nhập khẩu của doanh nghiệp trong hồ sơ thanh khoản.

- Việc thống kê vào Bảng thống kê do công chức Hải quan làm nhiệm vụ đăng ký tờ khai thực hiện tại thời điểm làm thủ tục đăng ký tờ khai.

- Bảng thống kê tờ khai phải rõ ràng, chính xác, đầy đủ, tuyệt đối không được thống kê sót tờ khai. Sau mỗi lần thống kê tờ khai, công chức Hải quan làm nhiệm vụ này phải ký và ghi rõ họ tên vào cột quy định trên Bảng.

- Đối với những hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công lớn, nếu thống kê trên 01 tờ không đủ thì Bảng thống kê phải lập thành nhiều tờ. Trong trường hợp này, trên mỗi tờ của Bảng thống kê phải ghi rõ số thứ tự tờ (Tờ số...); cuối mỗi tờ phải ghi rõ "tiếp sang tờ số...". Việc đánh số thứ tự tại cột (1) của Bảng thống kê phải liên tục từ đầu cho đến kết thúc hợp đồng/phụ kiện hợp đồng.

## BẢNG THỐNG KÊ TỜ KHAI XUẤT KHẨU

Tờ số:.....

Mẫu: 09/HQ-GC, Khổ A4 (ban hành kèm theo Quyết định số 69/2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính).

Hợp đồng gia công số: ..... ngày..... Thời hạn.....

Phụ kiện hợp đồng gia công số: ..... ngày ..... Thời hạn .....

Bên thuê: ..... Địa chỉ .....

Bên nhận: ..... Địa chỉ .....

Mặt hàng: ..... Số lượng.....

Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....

Số thứ tự	Số tờ khai	Ngày tờ khai	Cửa khẩu xuất	Cán bộ Hải quan thống kê tờ khai (ký, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

Cộng:..... Tổng tờ khai:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

**Đơn vị Hải quan làm thủ tục**

(Ký tên, đóng dấu)

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Mỗi hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công phải lập 01 Bảng thống kê tờ khai xuất khẩu. Bảng này được lưu tại Hải quan để Hải quan thống kê số, ngày tờ khai xuất khẩu khi doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu từng lô hàng. Khi thanh khoản hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công, công chức Hải quan làm nhiệm vụ thanh khoản đối chiếu Bảng thống kê này với thống kê tờ khai xuất khẩu của doanh nghiệp trong hồ sơ thanh khoản.

- Việc thống kê vào Bảng thống kê do công chức Hải quan làm nhiệm vụ đăng ký tờ khai thực hiện tại thời điểm làm thủ tục đăng ký tờ khai.

- Bảng thống kê tờ khai phải rõ ràng, chính xác, đầy đủ, tuyệt đối không được thống kê sót tờ khai. Sau mỗi lần thống kê tờ khai, công chức Hải quan làm nhiệm vụ này phải ký và ghi rõ họ tên vào cột quy định trên Bảng.

- Đối với những hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công lớn, nếu thống kê trên 01 tờ không đủ thì Bảng thống kê phải lập thành nhiều tờ. Trong trường hợp này, trên mỗi tờ của Bảng thống kê phải ghi rõ số thứ tự tờ (Tờ số...); cuối mỗi tờ phải ghi rõ "tiếp sang tờ số...". Việc đánh số thứ tự tại cột (1) của Bảng thống kê phải liên tục từ đầu cho đến kết thúc hợp đồng/phụ kiện hợp đồng.



# BẢNG ĐỊNH MỨC VÀ TỶ LỆ HAO HỤT CỦA TỪNG MÃ HÀNG

Mẫu: 10/HQ-GC, Khổ A4 (ban hành kèm theo Quyết định số 69/2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Hợp đồng gia công số/Bên thuê:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
Phụ kiện hợp đồng gia công số:..... Ngày:..... Thời hạn:.....  
Bên nhận:..... Địa chỉ:.....  
Đơn vị Hải quan làm thủ tục:.....  
Mã hàng:..... Số lượng:.....  
Mã hàng:..... Số lượng:.....

Số thứ tự	Tên nguyên liệu	Mã nguyên liệu	Đơn vị tính	Định mức		Tỷ lệ hao hụt	Nguồn nguyên liệu	Ghi chú
				Định mức sử dụng	Định mức tiêu hao			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Giới thiệu các thông số của sản phẩm liên quan đến việc xác định định mức trên:

.....  
.....

Ngày...tháng...năm....

Công chức Hải quan tiếp nhận định mức

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu tiếp nhận)

Ngày...tháng...năm....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

1. Cột (3) chỉ áp dụng đối với những Chi cục Hải quan quản lý hàng gia công bằng máy vi tính.
2. Tên nguyên liệu và mã nguyên liệu ghi tại cột (2), (3) phải phù hợp với tên nguyên liệu và mã nguyên liệu khai trên tờ khai hải quan.
3. Cột (5) "Định mức sử dụng" được hiểu là lượng nguyên liệu cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.
4. Cột (6) "Định mức tiêu hao" được hiểu là lượng sử dụng tính trên 01 đơn vị sản phẩm của những nguyên liệu tham gia vào quá trình gia công nhưng bị tiêu hao, không cấu thành trên sản phẩm (Ví dụ: chất xúc tác, dầu bôi trơn ép đế giày...). Hợp đồng gia công nào không có nguyên liệu tiêu hao thì cột này không ghi.
5. Cột (7) "Tỷ lệ hao hụt" được hiểu: là lượng nguyên liệu hao hụt trong quá trình sản xuất tính theo %. Tỷ lệ hao hụt này phụ thuộc vào chất lượng nguyên liệu, trình độ công nhân, sự cố máy móc, thiết bị và các nguyên nhân khác.
6. Đối với những mã hàng có nhiều size thì khai định mức theo từng size hoặc khai định mức bình quân cho cả mã hàng đó trên cơ sở định mức từng size và số lượng sản phẩm từng size theo công thức sau:

$$\text{ĐM} = \frac{\text{ĐM}_{S1} \times L_{S1} + \text{ĐM}_{S2} \times L_{S2} + \dots + \text{ĐM}_{Sn} \times L_{Sn}}{L_{S1} + L_{S2} + \dots + L_{Sn}}$$

*Trong đó:* ĐM là định mức bình quân cho cả mã hàng.

$\text{ĐM}_{S1}, \text{ĐM}_{S2}, \text{ĐM}_{Sn}$  là định mức của từng size S1, S2....Sn.

$L_{S1}, L_{S2}, \dots, L_{Sn}$  là lượng sản phẩm của từng size S1, S2....Sn.

7. Cột (8) "Nguồn nguyên liệu" ghi như sau:

- Do nước ngoài cung cấp.
- Mua ở nước ngoài để cung ứng.
- Mua nội địa để cung ứng.

8. Giám đốc doanh nghiệp (ký tên, đóng dấu): trường hợp là hộ gia đình thì ký và ghi rõ họ tên, số chứng minh thư nhân dân.

**BẢNG KÊ KHAI NGUYÊN LIỆU DO BÊN NHẬN GIA CÔNG CUNG ỨNG TƯƠNG ỨNG VỚI LƯỢNG SẢN PHẨM TRÊN TỜ KHAI XUẤT KHẨU**

*(Khai khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công)*

Mẫu 11/HQ-GC khổ A4 (ban hành kèm theo Quyết định số 69/2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Hợp đồng gia công số/Bên thuê.....ngày.....thời hạn.....  
 Phụ kiện hợp đồng gia công số.....ngày.....thời hạn.....  
 Bên nhận gia công:.....Địa chỉ.....  
 Mặt hàng gia công.....  
 Tờ khai xuất khẩu số.....ngày.....  
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục.....

Số thứ tự	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Lượng nguyên liệu cung ứng tương ứng với lượng sản phẩm trên tờ khai xuất khẩu						Đơn giá	Trị giá	Hình thức cung ứng	
			Mã hàng.....			Mã hàng.....						Tổng lượng cung ứng cho 1 tờ khai XK sản phẩm
			Định mức	Tỷ lệ hao hụt	Lượng cung ứng	Định mức	Tỷ lệ hao hụt	Lượng cung ứng				
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			

